

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày 23-4-2021
“Tranh chấp về Hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 24/3/2021 và 23/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS, ngày 12/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-DS ngày 03/02/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số, khóm BT 2, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

- *Bị đơn:*

Nguyễn Hồ Thủy T, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Trần Bá T, sinh năm 1987; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số, ấp BH B, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số, ấp BH, xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 21/9/2018 chị Tr có cho vợ chồng chị T và anh T vay số tiền 25.000.000đ, có làm biên nhận. Sau khi vay vợ chồng chị T và anh T không trả tiền lãi và tiền nợ vay cho chị Tr, chị Tr có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng do chỗ quen biết nên vợ chồng chị T và anh T cứ hẹn lại và đến nay vẫn chưa trả.

Trước đây chị Nguyễn Thị T yêu cầu chị Nguyễn Hồ Thủy T và anh Trần Bá T liên đới trả lại tiền nợ vay vốn là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 11.000.000đ, lãi suất 2%/tháng đến khi xét xử. Tại phiên tòa chị Tr rút không yêu cầu anh T cùng liên đới trả. Đối với phần tiền lãi, chị Tr yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày viết biên nhận đến khi xét xử là 30 tháng số tiền 6.225.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 31.225.000 đồng.

- Bị đơn Nguyễn Hồ Thủy T và Trần Bá T trình bày: Lời trình bày của chị Tr là không đúng, do là chỗ quen biết chị T có vay tiền của chị Tr nhiều lần, đến ngày 21/9/2018 chị Tr với chị T có chốt số tiền vay lại là 25.000.000 đ, có làm 02 biên nhận, 02 biên nhận chị Tr đưa ra là đúng chữ ký của chị T. Chị T vay để mua bán và tiêu dùng trong gia đình và bên chồng. sau khi vay chị T có đóng lãi mỗi tháng là 2.500.000đ (không có làm biên nhận), đóng lãi từ lúc vay đến tháng 4 năm 2020 thì ngưng đóng đến nay, tiền vốn đến nay chưa trả. Anh T là chồng chị T, việc vay tiền giữa chị T với chị Tr anh T không biết, chỉ đến khi chị Tr đến nhà đòi tiền thì anh T mới biết. Khi đó chị T thỏa thuận với anh T là sẽ chơi hụi và hốt hụi để trả nợ vay cho chị Tr. Chị T có ghi âm 03 đoạn ghi âm bằng điện thoại, trong đó chị T có đề cập tới việc đã đóng tiền lãi cho chị Tr mỗi tháng 2.500.000 đồng từ ngày vay đến tháng 4/2020.

Việc đóng lãi dù không có làm biên nhận, nhưng do chị T đưa trực tiếp chị Tr, hoặc gửi mẹ chị T đưa tiền cho mẹ chị Tr.

Nay chị Nguyễn Hồ Thủy T chỉ thống nhất trả cho chị Tr số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh T là bị đơn đang sinh sống tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc chị T vay tiền của chị Tr, chị T thừa nhận có vay 25.000.000 đồng và đến nay chưa trả số tiền này, nên không cần chứng minh.

Tại phiên tòa chị Tr rút yêu cầu đối với anh T là phù hợp, được Tòa án chấp nhận.

Việc chị T cho rằng đã đóng lãi cho chị Tr đến tháng 4/2020, mỗi tháng 2.500.000 đồng tiền lãi, gửi tiền lãi trực tiếp cho chị Tr, hoặc chị T gửi tiền cho mẹ chị T đưa cho mẹ chị Tr, việc gửi tiền chỉ đưa chứ không làm biên nhận gì. Mẹ chị T là bà Hương cũng cho rằng chị T có nhiều lần gửi tiền đưa mẹ chị Tr đóng lãi cho chị Tr, nhưng mẹ chị T cũng chỉ đưa chứ không kê làm biên nhận.

Đối với 03 đoạn ghi âm bằng điện thoại của chị T, trong nội dung đoạn ghi âm cũng chỉ có chị T nói có đóng lãi cho chị Tr, nhưng không có lời nói thừa nhận đã nhận lãi của chị Tr. Chị Tr cho rằng chỉ chốt lại tiền lãi từ trước đến nay toàn bộ là chị T phải trả 10.000.000 đồng là coi như xong vì từ khi vay đến nay không trả lãi.

Bà Nhã là mẹ chị Tr cũng có văn bản ý kiến rằng từ trước đến nay hoàn toàn không có nhận tiền gì từ chị T hoặc mẹ chị T gửi cho chị Tr.

Từ những chứng cứ và lời trình bày của các bên cho thấy, việc chị T vay tiền của chị Tr có làm biên nhận, lẽ ra khi chị T đóng lãi cho chị Tr thì phải yêu cầu chị Tr viết biên nhận, nhưng chị T cho rằng chỉ đưa tiền chứ không làm biên nhận. Nay chị Tr không thừa nhận có nhận tiền lãi của chị T, chị T không có gì chứng minh. Do đó, Tòa án xác định chị T không đóng lãi cho chị Tr là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Do đó, chị Tr yêu cầu trả lãi từ khi vay đến xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Chị Tr yêu cầu tính lãi, thời gian tính lãi từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2021 là 30 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, tính thành tiền là 6.225.000 đồng.

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy chị Tr yêu cầu chị T trả vốn vay 25.000.000 đồng và lãi 6.225.000 đồng. Tổng cộng 31.225.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Chị T bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 471, 474, 476, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Hồ Thủy T có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi 6.225.000 đồng. Tổng cộng 31.225.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Hồ Thủy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.561.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019/0009597 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lập Vò;
- CCTHADS huyện Lập Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Đã ký

Lê Thị Kiều Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Tiên
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Linh
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Kim Niên về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Niên số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Trần Thị Kim Niên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho chị Niên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00461 ngày 13/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Buộc Nguyễn Thị Kim Hường phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đọc lên cùng nghe và thống nhất ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA